

Biểu 01 - DST
(Ban hành tại Thông tư số: 01/2022/TT-BYT)
Ngày nhận b/c: Chậm nhất 15 ngày kể từ thời điểm
kết thúc kỳ báo cáo.
Số:...../BC-.....

Đơn vị báo cáo :
Chi cục DS-KHHGD Tỉnh Thanh Hoá
Nơi nhận:
+ Tổng cục DS-KHHGD
+ Sở Y tế Tỉnh Thanh Hoá
+ Cục thống kê Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH DÂN SỐ
QUÝ 2 NĂM 2025

Tên chỉ tiêu	Toàn tỉnh	Huyện Bá Thước	Huyện Cẩm Thủy
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	924.260	26.126	27.793
Trong đó: Số hộ gia đình	923.710	26.121	27.790
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	3.900.857	112.498	120.835
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	584.716	17.950	17.972
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	4.833	89	132
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	2.637	39	73
- Số trẻ em nữ sinh ra	2.196	50	59
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	1.215	34	12
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	880	5	12
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	167	7	7
5. Số người chết trong quý (người)	3.015	80	68
6. Số người kết hôn trong quý (người)	909	0	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	81	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	21	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	2.512	2	0
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	1.743	1	40
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	12.705	0	904
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	608	2	10
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	67	0	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	89	0	2
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	17	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	30	0	1
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	20.806	31.797	43.236
Trong đó: Số hộ gia đình	20.803	31.797	43.231
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	82.284	123.139	186.635
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	12.543	17.612	25.847
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	127	186	383
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	66	108	211
- Số trẻ em nữ sinh ra	61	78	172
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	39	29	8
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	22	27	6
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	3	2	4
5. Số người chết trong quý (người)	75	166	249
6. Số người kết hôn trong quý (người)	16	0	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	23	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	106	166	2
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	81	193	117
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	532	0	846
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	58	12	9
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	16	0	2
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	25	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	2	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	1	1
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoàng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	57.197	11.593	8.041
Trong đó: Số hộ gia đình	57.193	11.592	8.039
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	236.613	51.246	41.328
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	33.680	7.965	7.014
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	228	36	28
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	133	21	12
- Số trẻ em nữ sinh ra	95	15	16
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	63	16	4
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	49	7	3
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	4	7	5
5. Số người chết trong quý (người)	166	23	8
6. Số người kết hôn trong quý (người)	66	0	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	2	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	104	1	0
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	39	1	0
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	0	21
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	39	0	7
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	4	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	1
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	45.856	37.505	33.792
Trong đó: Số hộ gia đình	45.852	37.505	33.769
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	191.627	141.027	147.333
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	27.194	20.362	23.425
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	162	202	68
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	79	102	36
- Số trẻ em nữ sinh ra	83	100	32
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	55	27	12
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	53	17	14
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	10	6	3
5. Số người chết trong quý (người)	126	123	46
6. Số người kết hôn trong quý (người)	3	59	1
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	2
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	34	161	2
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	24	12	35
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	0	244
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	8	3	0
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	1
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	22.837	16.570	10.813
Trong đó: Số hộ gia đình	22.833	16.531	10.790
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	101.708	74.429	48.668
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	16.020	11.973	8.027
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	133	241	35
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	63	124	21
- Số trẻ em nữ sinh ra	70	117	14
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	22	34	10
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	13	17	7
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	7	3	3
5. Số người chết trong quý (người)	69	99	29
6. Số người kết hôn trong quý (người)	2	3	6
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	3
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	9	104	13
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	23	11	15
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	235	18	575
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	4	2	8
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	0	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	8	0	2
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	8.982	49.914	34.949
Trong đó: Số hộ gia đình	8.933	49.870	34.944
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	42.406	229.473	156.636
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	7.126	34.293	23.780
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	43	193	180
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	22	97	109
- Số trẻ em nữ sinh ra	21	96	71
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	18	66	50
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	3	31	46
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	5	8	6
5. Số người chết trong quý (người)	14	112	112
6. Số người kết hôn trong quý (người)	5	27	24
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	0	20	144
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	2	14	23
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	44	0	1.024
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	0	28	71
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	6	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	4
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	41.856	55.115	21.579
Trong đó: Số hộ gia đình	41.856	55.106	21.578
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	163.734	207.554	97.207
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	23.245	28.663	15.778
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	211	244	108
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	115	154	64
- Số trẻ em nữ sinh ra	96	90	44
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	70	52	29
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	54	59	18
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	4	9	3
5. Số người chết trong quý (người)	177	235	79
6. Số người kết hôn trong quý (người)	73	38	70
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	2
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	68	74	60
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	101	228	53
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	652	324	855
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	132	2	10
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	7	0	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	3	1	3
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	2	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	52.193	22.668	44.166
Trong đó: Số hộ gia đình	52.191	22.653	44.165
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	222.550	87.751	174.045
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	32.854	12.041	25.466
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	320	91	172
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	167	53	105
- Số trẻ em nữ sinh ra	153	38	67
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	117	30	57
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	61	30	44
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	15	2	1
5. Số người chết trong quý (người)	223	74	135
6. Số người kết hôn trong quý (người)	27	1	32
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	124	67	86
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	67	23	84
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	829	292	317
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	16	12	42
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	4	9
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	1
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	5	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	2	1	6
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	25.864	95.088	16.013
Trong đó: Số hộ gia đình	25.860	94.908	15.889
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	117.660	404.844	61.464
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	18.057	64.786	8.048
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	155	567	0
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	76	331	0
- Số trẻ em nữ sinh ra	79	236	0
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	27	182	0
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	31	92	0
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	6	15	0
5. Số người chết trong quý (người)	78	243	0
6. Số người kết hôn trong quý (người)	135	86	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	1	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	4	2	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	86	621	0
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	103	304	0
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	179	3	0
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	9	4	0
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	3	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	1	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	61.911
Trong đó: Số hộ gia đình	61.911
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	276.163
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	42.995
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	499
Trong tổng số:	
- Số trẻ em nam sinh ra	256
- Số trẻ em nữ sinh ra	243
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	152
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	159
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	22
5. Số người chết trong quý (người)	206
6. Số người kết hôn trong quý (người)	235
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	57
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	6
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	458
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	149
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	4.811
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	120
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	11
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	41
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	10
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	12
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0

Tên chỉ tiêu	Toàn tỉnh	Huyện Bà Thước	Huyện Cẩm Thủy
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	1	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	279.510	11.108	8.036
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	201.505	7.991	4.523
- Triệt sản nam	70	4	4
- Triệt sản nữ	1.505	28	45
- Thuốc cấy tránh thai	1.071	83	55
- Thuốc tiêm tránh thai	2.247	141	78
- Thuốc uống tránh thai	23.340	1.069	1.242
- Bao cao su	39.017	1.643	1.954
- Biện pháp tránh thai khác	10.755	149	135
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	305.206	6.842	9.936
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	7.351	10.868	9.742
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	4.844	7.222	8.507
- Triệt sản nam	1	0	4
- Triệt sản nữ	44	103	49
- Thuốc cấy tránh thai	13	8	1
- Thuốc tiêm tránh thai	40	77	115
- Thuốc uống tránh thai	815	787	331
- Bao cao su	1.234	2.353	581
- Biện pháp tránh thai khác	360	318	154
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	5.192	6.744	16.105
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoàng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	13.934	5.117	3.935
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	11.248	4.438	2.755
- Triệt sản nam	2	7	1
- Triệt sản nữ	100	20	0
- Thuốc cấy tránh thai	7	0	54
- Thuốc tiêm tránh thai	46	96	101
- Thuốc uống tránh thai	630	210	775
- Bao cao su	1.450	258	229
- Biện pháp tránh thai khác	451	88	20
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	19.746	2.848	3.079
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	7.941	8.144	10.442
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	6.130	6.201	6.583
- Triệt sản nam	0	4	8
- Triệt sản nữ	41	60	107
- Thuốc cấy tránh thai	62	1	48
- Thuốc tiêm tránh thai	110	34	99
- Thuốc uống tránh thai	553	624	1.241
- Bao cao su	746	1.035	1.437
- Biện pháp tránh thai khác	299	185	919
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	19.253	12.218	12.983
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	8.204	6.858	4.041
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	7.259	4.936	2.572
- Triệt sản nam	0	5	1
- Triệt sản nữ	54	84	17
- Thuốc cấy tránh thai	13	2	35
- Thuốc tiêm tránh thai	45	49	75
- Thuốc uống tránh thai	392	786	895
- Bao cao su	416	873	445
- Biện pháp tránh thai khác	25	123	1
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	7.816	5.115	3.986
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	4.199	17.363	10.900
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	3.503	14.466	7.707
- Triệt sản nam	5	3	2
- Triệt sản nữ	40	52	32
- Thuốc cấy tránh thai	56	16	83
- Thuốc tiêm tránh thai	257	18	170
- Thuốc uống tránh thai	230	366	1.300
- Bao cao su	82	2.142	1.098
- Biện pháp tránh thai khác	26	300	508
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	2.927	16.930	12.880
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	10.205	14.390	6.180
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	8.859	10.601	5.180
- Triệt sản nam	0	3	0
- Triệt sản nữ	45	83	31
- Thuốc cấy tránh thai	12	110	2
- Thuốc tiêm tránh thai	1	156	31
- Thuốc uống tránh thai	468	954	368
- Bao cao su	746	2.045	501
- Biện pháp tránh thai khác	74	438	67
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	13.040	14.273	9.598
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.286	5.240	14.096
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	9.472	3.380	12.153
- Triệt sản nam	0	1	10
- Triệt sản nữ	78	31	16
- Thuốc cấy tránh thai	29	33	67
- Thuốc tiêm tránh thai	57	67	121
- Thuốc uống tránh thai	1.779	592	587
- Bao cao su	2.778	829	960
- Biện pháp tránh thai khác	93	307	182
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	18.568	6.801	11.370
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	12.584	22.252	3.526
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	5.070	18.124	2.975
- Triệt sản nam	2	1	0
- Triệt sản nữ	60	97	10
- Thuốc cấy tránh thai	2	13	0
- Thuốc tiêm tránh thai	6	69	59
- Thuốc uống tránh thai	908	494	75
- Bao cao su	3.455	2.302	291
- Biện pháp tránh thai khác	3.081	1.152	116
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	5.473	42.534	4.522
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	1
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	28.568
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	14.806
- Triệt sản nam	2
- Triệt sản nữ	178
- Thuốc cấy tránh thai	266
- Thuốc tiêm tránh thai	129
- Thuốc uống tránh thai	4.869
- Bao cao su	7.134
- Biện pháp tránh thai khác	1.184
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.427
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0

Tên chỉ tiêu	Toàn huyện	Huyện Bá Thước	Huyện Cẩm Thủy
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý	0		
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý	0		
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý	0		
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý	0		
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	5.231	205	119
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
CHI CỤC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	94	143	176
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoằng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	257	88	114
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	230	192	213
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	169	210	107
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	125	188	282
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	192	297	150
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	458	140	149
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	86	514	65
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý	
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý	
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý	
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý	
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	268
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0